

Số: 09/2022/QĐST-TCDS

Lục Yên, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-TCDS ngày 07 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trịnh Quang H, bà Nguyễn Thị Lan P

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Lan P

Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: bà Hồ Thị M

Địa chỉ: Thôn Làng S, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Ngọc H

Địa chỉ: Xóm C, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Hồ Thị Mai phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Quang H, bà Nguyễn Thị Lan P tổng số tiền là: 60.000.000^d (sáu mươi triệu đồng).

Trong đó:

- + Nợ gốc: 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng)
- + Nợ lãi: 10.000.000^d (mười triệu đồng).

Anh Hoàng Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Quang H, bà Nguyễn Thị Lan P tổng số tiền là: 240.000.000^d (*hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

Trong đó:

- + Nợ gốc: 200.000.000^d (*hai trăm triệu đồng*)
- + Nợ lãi: 40.000.000^d (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Hồ Thị M phải chịu số tiền: 1.500.000^d (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Hoàng Ngọc H phải chịu số tiền: 6.000.000^d (*sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trịnh Quang H, bà Nguyễn Thị Lan P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 8.750.000^d (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002243 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Trần Đăng Ninh